

**CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG CII**  
156 Hoa Lan, P.02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:334/CIIEC-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2021.

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2021

**Kính gửi :** - **QUÝ CỔ ĐÔNG**  
- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

- Đơn vị công bố: **Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**
- Mã chứng khoán: **CEE**
- Trụ sở chính: 156 Hoa Lan, P.02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.35120632 Fax: 028.35120633
- Đại diện công bố thông tin: **Ông Bùi Xuân Phước**
- Giải trình về việc lợi nhuận sau thuế biến động trên 10% và chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ tại kỳ này:

Trong quý 2, hoạt động thi công được Công ty bố trí thông suốt, không có dự án nào của công ty buộc phải ngưng thi công, hoạt động thi công được đảm bảo an toàn phòng tránh dịch bệnh. Tại thời điểm thực hiện giải trình, toàn thể người lao động tại công ty âm tính với Covid-19, đã có 43% người lao động tại Công ty hiện đã được tiêm Vacxin, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn được đảm bảo.

Tuy nhiên, dịch bệnh cũng gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh khi một số đơn vị cung ứng vật tư không thể vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thi công, bên cạnh đó nhiều ca dương tính với Covid-19 được phát hiện trên địa bàn toàn tuyến cao tốc khiến cho việc nghiệm thu thanh toán gặp nhiều khó khăn. Đây là lý do chính khiến cho kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo quý 2 năm 2021 lỗ so với cùng kỳ năm trước – vốn không bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

*DVT: Triệu đồng*

	BCTC Riêng		BCTC Hợp nhất	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần	120.769	163.929	139.879	186.016
Lợi nhuận sau thuế	-990	16.274	-2.100	3.435

Kết quả kinh doanh lũy kế sáu tháng đầu năm của Công ty lần lượt đạt:

*DVT: Triệu đồng*

	<b>BCTC Riêng</b>	<b>BCTC Hợp nhất</b>
Doanh thu thuần	255.137	295.037
Lợi nhuận sau thuế	404	646

Trên đây là giải trình những yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại kỳ báo cáo Quý 2 năm 2021. Công ty cam kết những thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin giải trình đến Quý cơ quan và Quý cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng.

**Nơi gửi:**

- Như trên
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



BÙI XUÂN PHƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**QUÝ 2 NĂM 2021**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.956.930.523.221</b>	<b>1.511.415.305.454</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>12.708.408.211</b>	<b>27.102.587.067</b>
1. Tiền	111		12.708.408.211	27.102.587.067
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.407.522.391.445</b>	<b>906.347.558.307</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	109.479.944.921	103.728.895.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	201.108.166.795	176.329.515.910
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	814.786.155.225	363.527.313.637
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	304.389.561.630	281.428.060.304
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(22.241.437.126)	(18.666.226.794)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>519.673.548.292</b>	<b>556.303.274.901</b>
1. Hàng tồn kho	141		519.673.548.292	556.303.274.901
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.026.175.273</b>	<b>21.661.885.179</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	6.052.087.191	5.517.891.987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		146.948.895	4.950.032.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19.a	10.827.139.187	11.193.961.131

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số		Đơn vị: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>95.608.106.138</b>	<b>93.588.773.737</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>425.562.141</b>	<b>425.562.141</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	425.562.141	425.562.141
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.950.495.146</b>	<b>12.671.706.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	14.867.983.120	12.610.138.632
- Nguyên giá	222		40.819.622.699	36.927.910.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.951.639.579)	(24.317.772.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	82.512.026	61.568.026
- Nguyên giá	228		310.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.487.974)	(218.431.974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>4.997.156.733</b>	<b>4.997.156.733</b>
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		75.000.000.000	75.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>234.892.118</b>	<b>494.348.205</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	234.892.118	494.348.205
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.052.538.629.359</b>	<b>1.605.004.079.191</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.603.102.088.234</b>	<b>1.154.757.649.722</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.388.886.273.234</b>	<b>921.097.574.122</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	70.073.096.634	79.261.104.667
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	221.783.279.156	246.302.298.655
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.b	2.539.495.126	2.268.775.278
4. Phải trả người lao động	314		1.396.639.598	1.215.507.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.670.539.338	11.823.983.894
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	316.199.439.240	259.071.350.899
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	775.223.784.142	321.154.553.448
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>214.215.815.000</b>	<b>233.660.075.600</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	214.215.815.000	233.660.075.600
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>449.436.541.125</b>	<b>450.246.429.469</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>449.436.541.125</b>	<b>450.246.429.469</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.535.080.922	7.667.692.056
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.319.827.482	66.997.104.692
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		64.915.371.414	49.649.327.380
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		404.456.068	17.347.777.312
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.052.538.629.359</b>	<b>1.605.004.079.191</b>



**Nguyễn Thị Bích Thảo**  
 Người lập biểu  
 Ngày 26 tháng 07 năm 2021



**Bùi Xuân Phước**  
 Kế toán trưởng



**Phùng Văn Hiền**  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06		Đơn vị: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1	2	3	6	7	4	5	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>120.768.572.878</b>	<b>163.928.861.182</b>	<b>255.136.709.760</b>	<b>246.895.315.915</b>	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>120.768.572.878</b>	<b>163.928.861.182</b>	<b>255.136.709.760</b>	<b>246.895.315.915</b>	
4. Giá vốn hàng bán	11	25	115.503.024.383	155.552.514.884	241.334.695.462	234.596.394.953	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>5.265.548.495</b>	<b>8.376.346.298</b>	<b>13.802.014.298</b>	<b>12.298.920.962</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	19.095.980.074	16.680.577.515	28.026.007.999	35.935.455.382	
7. Chi phí tài chính	22	27	19.839.499.473	16.156.867.848	31.292.674.401	34.372.796.158	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.838.401.473	15.653.728.848	30.789.902.401	33.119.657.158	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	19.200.000	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.615.811.393	3.490.936.717	9.668.775.299	6.214.833.903	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>(1.093.782.297)</b>	<b>5.409.119.248</b>	<b>847.372.597</b>	<b>7.646.746.283</b>	
11. Thu nhập khác	31		4.818.182	6.731.744	4.818.182	6.731.744	
12. Chi phí khác	32	29	28.412.767	-	80.912.767	297.003.623	
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(23.594.585)</b>	<b>6.731.744</b>	<b>(76.094.585)</b>	<b>(290.271.879)</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.117.376.882)</b>	<b>5.415.850.992</b>	<b>771.278.012</b>	<b>7.356.474.404</b>	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(127.591.800)	(10.857.925.851)	366.821.944	(10.205.710.729)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(989.785.082)</b>	<b>16.273.776.843</b>	<b>404.456.068</b>	<b>17.562.185.133</b>	



Nguyễn Thị Bích Thảo  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng

Phùng Văn Hiền  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn hoạt động từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	771.278.012	7.356.474.404
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	1.707.923.330	1.484.803.909
Các khoản dự phòng	3	3.575.210.332	950.519.145
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(28.030.826.181)	(35.941.819.018)
Chi phí lãi vay	6	30.789.902.401	33.119.657.158
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>8.813.487.894</b>	<b>6.969.635.598</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(47.949.139.114)	(46.726.598.422)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	36.629.726.609	(82.078.473.023)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.202.141.505	300.010.990.540
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(274.739.117)	(8.310.587.479)
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.853.741.844)	(33.353.775.241)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(282.530.613)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(138.000.000)	(135.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(21.570.264.067)</b>	<b>136.093.161.360</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.986.711.818)	(3.107.650.855)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(855.687.458.104)	(685.930.137.204)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	404.428.616.516	685.504.572.638
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.796.668.523	40.684.820.848
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(427.448.884.883)</b>	<b>37.151.605.427</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	686.701.050.488	447.449.334.343
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(252.076.080.394)	(613.471.627.491)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>434.624.970.094</b>	<b>(166.022.293.148)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(14.394.178.856)</b>	<b>7.222.473.639</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>27.102.587.067</b>	<b>79.499.531.006</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>12.708.408.211</b>	<b>86.722.004.645</b>

Nguyễn Thị Bích Thảo  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”)

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (“NQN”)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá vốn từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo tỷ lệ giữa phần khối lượng công việc đã được nghiệm thu so với tổng khối lượng công việc đã thực hiện.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Chi phí đi vay** (tiếp theo)

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	132.099.758	56.025.547
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.576.308.453	27.046.561.520
<b>Cộng</b>	<b>12.708.408.211</b>	<b>27.102.587.067</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>20.850.114.553</b>	<b>21.082.327.768</b>
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	11.277.528.515	13.402.852.636
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	6.261.023.857	5.232.839.857
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.231.281.866	66.354.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.019.582.875	1.019.582.875
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	585.001.250	885.001.250
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
<b>Đối tượng khác</b>	<b>88.629.830.368</b>	<b>82.646.567.482</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	38.564.619.640	37.811.724.478
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	13.395.976.141
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	1.521.113.545	10.683.373.802
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xây dựng Điện Chiếu Sáng	5.933.415.524	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành	5.049.527.307	-
Công ty Cổ phần Big Gate	5.033.168.799	5.033.168.799
Phải thu các khách hàng khác	19.132.009.412	15.722.324.262
<b>Cộng</b>	<b>109.479.944.921</b>	<b>103.728.895.250</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>32.481.224.122</b>	<b>31.819.390.907</b>
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	32.481.224.122	31.819.390.907
<b>Đối tượng khác</b>	<b>168.626.942.673</b>	<b>144.510.125.003</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	35.394.841.982	46.341.282.666
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	29.625.097.131	29.933.808.210
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	13.690.878.527	13.690.878.527
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ STS	11.212.408.430	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Công Huy	36.679.351.367	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Sài Gòn	8.885.996.408	9.860.728.781
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	4.755.388.770	7.859.576.560
Trả trước các đối tượng khác	28.382.980.058	26.823.850.259
<b>Cộng</b>	<b>201.108.166.795</b>	<b>176.329.515.910</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>686.994.790.259</b>	<b>231.878.860.569</b>
Công ty CII (i)	656.994.790.259	201.878.860.569
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Đối tượng khác</b>	<b>127.791.364.966</b>	<b>131.648.453.068</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (iii)	87.532.307.573	83.097.621.469
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (iv)	28.188.810.227	31.688.810.227
Các đối tượng khác	12.070.247.166	16.862.021.372
<b>Cộng</b>	<b>814.786.155.225</b>	<b>363.527.313.637</b>

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với lãi suất là 10%/năm.

(ii) Ngày 6 tháng 3 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2020/HĐQT về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi từ 75 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng. Phần vốn Công ty đã góp đã được hai bên thống nhất chuyển khoản tiền cho vay với lãi suất là 9%/năm.

(iii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018, trong đó các bên thỏa thuận rằng Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên (“Lâm Viên”) vay tiền bằng cách sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (“Việt Thành”) với lãi suất 10,5%/năm. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, khoản tiền Công ty Lâm Viên đã sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty là 87.398.609.955 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

(iv) Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	202.545.987.846	224.019.248.625
Các khoản chi hộ	52.574.885.956	6.556.545.939
Ký cược, ký quỹ	31.230.519.319	31.232.169.319
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	9.614.507.402	8.304.437.453
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	7.956.087.500	9.036.817.973
Phải thu người lao động	233.781.860	256.832.097
Góp vốn hợp tác kinh doanh	-	711.872.739
Các khoản phải thu khác	233.791.747	1.310.136.159
	<b>304.389.561.630</b>	<b>281.428.060.304</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	425.562.141	425.562.141
	<b>425.562.141</b>	<b>425.562.141</b>
<b>Cộng</b>	<b>304.815.123.771</b>	<b>281.853.622.445</b>
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan</i>		
Công ty CII: <i>Lãi phải thu</i>	1.113.125.934	2.089.071.489
Công ty NQN: <i>Lãi phải thu và lợi nhuận phải thu</i>	4.042.649.572	3.632.269.691
<b>Cộng</b>	<b>5.155.775.506</b>	<b>5.721.341.180</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. NỢ XẤU**

Nội dung	30/06/2021			01/01/2021		
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.423.675.895	416.405.100	(4.007.270.795)	3.035.658.895	-	(3.035.658.895)
Trả trước cho nhà cung cấp	1.722.344.135	225.465.191	(1.496.878.944)	970.793.497	58.122.545	(912.670.952)
Phải thu ngắn hạn khác	30.691.990.436	13.954.703.049	(16.737.287.387)	30.691.990.436	15.974.093.489	(14.717.896.947)
<b>Cộng</b>	<b>36.838.010.466</b>	<b>14.596.573.340</b>	<b>(22.241.437.126)</b>	<b>34.698.442.828</b>	<b>16.032.216.034</b>	<b>(18.666.226.794)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	16.707.332.560	-	25.388.721.585	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	492.389.512.767	-	515.166.185.582	-
Hàng hóa	10.576.702.965	-	15.748.367.734	-
<b>Cộng</b>	<b>519.673.548.292</b>	<b>-</b>	<b>556.303.274.901</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Hoa hồng môi giới bất động sản	4.089.366.000	4.089.366.000
Phí bảo lãnh cho các dự án đang thực hiện	1.865.236.551	704.518.913
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	45.490.886	42.692.265
Phí cam kết rút vốn	-	500.000.000
Các khoản chi phí khác	51.993.754	181.314.809
	<b>6.052.087.191</b>	<b>5.517.891.987</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thiết kế, sửa chữa văn phòng	115.481.515	156.239.697
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	64.660.603	178.550.744
Chi phí khác chờ phân bổ	54.750.000	159.557.764
	<b>234.892.118</b>	<b>494.348.205</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.286.979.309</b>	<b>6.012.240.192</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	<b>25.114.504.458</b>	<b>11.017.106.423</b>	<b>796.300.000</b>	<b>36.927.910.881</b>
Mua trong kỳ	3.279.363.637	513.239.090	164.109.091	3.956.711.818
Thanh lý nhượng bán trong kỳ	-		(65.000.000)	(65.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>28.393.868.095</b>	<b>11.530.345.513</b>	<b>895.409.091</b>	<b>40.819.622.699</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	<b>17.586.763.293</b>	<b>6.053.166.453</b>	<b>677.842.503</b>	<b>24.317.772.249</b>
Khấu hao trong năm	993.349.626	669.517.502	36.000.202	1.698.867.330
Thanh lý nhượng bán trong kỳ	-		(65.000.000)	(65.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>18.580.112.919</b>	<b>6.722.683.955</b>	<b>648.842.705</b>	<b>25.951.639.579</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	<b>7.527.741.165</b>	<b>4.963.939.970</b>	<b>118.457.497</b>	<b>12.610.138.632</b>
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>9.813.755.176</b>	<b>4.807.661.558</b>	<b>246.566.386</b>	<b>14.867.983.120</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<b>Phân mềm vi tính VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>280.000.000</b>
Mua trong kỳ	30.000.000
Tại ngày 30/06/2021	<b>310.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>218.431.974</b>
Khấu hao trong kỳ	9.056.000
Tại ngày 30/06/2021	<b>227.487.974</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>61.568.026</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>82.512.026</b>

#### 15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>5.836.987.368</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>5.836.987.368</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>839.830.635</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>839.830.635</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>4.997.156.733</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>4.997.156.733</b>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2 (nay là đường Nguyễn Gia Trí), phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 22).

#### Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**156 Hoa Lan, Phường 2,  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2021				01/01/2021			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>								
Công ty TNHH MTV NBB								
Quảng Ngãi		75.000.000.000	-	(i)		75.000.000.000	-	(i)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>								
Công ty TNHH MTV								
Vật liệu Xây dựng SG		1.000.000.000	(1.000.000.000)			1.000.000.000	(1.000.000.000)	
<b>Cộng</b>		<b>76.000.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>(i)</b>		<b>76.000.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>(i)</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**156 Hoa Lan, Phường 2,  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Nợ gốc</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Nợ gốc</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>65.073.096.634</b>	<b>65.073.096.634</b>	<b>74.261.104.667</b>	<b>74.261.104.667</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Nam An	7.307.562.090	7.307.562.090	15.483.085.887	15.483.085.887
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827
Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Nam Mê Kong	6.144.034.446	6.144.034.446	5.665.244.637	5.665.244.637
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	4.945.894.158	4.945.894.158	1.895.450.783	1.895.450.783
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Toàn Cầu	3.481.144.442	3.481.144.442	3.481.144.442	3.481.144.442
Công ty TNHH Xây dựng Công trình 585 Hậu Giang	3.408.618.193	3.408.618.193	8.414.192.199	8.414.192.199
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mặt Trời Mộc	3.219.920.394	3.219.920.394	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	1.582.500.221	1.582.500.221	3.858.285.498	3.858.285.498
Các đối tượng khác	27.813.648.863	27.813.648.863	28.293.927.394	28.293.927.394
<b>Cộng</b>	<b>70.073.096.634</b>	<b>70.073.096.634</b>	<b>79.261.104.667</b>	<b>79.261.104.667</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>205.828.231.107</b>	<b>230.131.250.606</b>
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	105.400.539.593	124.417.522.155
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	77.662.131.675	78.273.248.413
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	15.420.793.200	19.775.961.199
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	6.032.418.747	6.352.170.947
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	950.000.000	950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
<b>Các đối tượng khác</b>	<b>15.955.048.049</b>	<b>16.171.048.049</b>
<b>Cộng</b>	<b>221.783.279.156</b>	<b>246.302.298.655</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>01/01/2021</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>30/06/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.698.298.140	366.821.944	-	10.331.476.196
Các khoản khác	495.662.991	-	-	495.662.991
<b>Cộng</b>	<b>11.193.961.131</b>	<b>366.821.944</b>	<b>-</b>	<b>10.827.139.187</b>
<b>b. Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	2.268.775.278	760.496.632	489.776.784	2.539.495.126
Các khoản khác	-	7.202.767	7.202.767	-
<b>Cộng</b>	<b>2.268.775.278</b>	<b>767.699.399</b>	<b>496.979.551</b>	<b>2.539.495.126</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	1.670.539.338	1.872.674.181
Trích trước chi phí công trình	-	9.951.309.713
<b>Cộng</b>	<b>1.670.539.338</b>	<b>11.823.983.894</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu hộ tiền đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ (i)	232.311.953.751	226.754.640.000
Phải trả các khoản thu hộ	72.742.950.991	26.667.821.681
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	3.868.863.014	5.217.850.131
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh	6.650.684.931	-
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Bảo hiểm xã hội	154.928.067	-
Kinh phí công đoàn	23.333.197	17.933.776
Bảo hiểm y tế	24.584.692	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.140.597	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.105.311
<b>Cộng</b>	<b>316.199.439.240</b>	<b>259.071.350.899</b>
<i>Chi tiết phải trả khác các bên liên quan:</i>		
Công ty CII: <i>Lãi phải trả</i>	2.868.493.150	-
Công ty BTT: <i>Lãi phải trả</i>	3.782.191.781	-
<b>Cộng</b>	<b>6.650.684.931</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng mua các căn hộ thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm làm chủ đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**156 Hoa Lan, Phường 2,  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>30/06/2021</u>		<u>Phát sinh trong kỳ</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có khả năng thanh toán</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có khả năng thanh toán</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>757.568.273.542</b>	<b>757.568.273.542</b>	<b>686.701.050.488</b>	<b>250.287.330.394</b>	<b>321.154.553.448</b>	<b>321.154.553.448</b>
Các khoản vay ngắn hạn là các bên liên quan	520.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000	-	-	-
Các khoản vay ngắn hạn là các đối tượng khác	237.568.273.542	237.568.273.542	166.701.050.488	250.287.330.394	321.154.553.448	321.154.553.448
<i>Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long</i>	<i>214.568.273.542</i>	<i>214.568.273.542</i>	<i>166.701.050.488</i>	<i>200.287.330.394</i>	<i>248.154.553.448</i>	<i>248.154.553.448</i>
<i>Ngân hàng HD Bank - Trung tâm kinh doanh</i>	-	-	-	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>23.000.000.000</i>	<i>23.000.000.000</i>	-	-	<i>23.000.000.000</i>	<i>23.000.000.000</i>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b> <i>(xem Thuyết minh b)</i>	<b>17.655.510.600</b>	<b>17.655.510.600</b>			-	-
	<b>775.223.784.142</b>	<b>775.223.784.142</b>	<b>686.701.050.488</b>	<b>250.287.330.394</b>	<b>321.154.553.448</b>	<b>321.154.553.448</b>
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
<b>Vay dài hạn</b>	<b>231.871.325.600</b>	<b>231.871.325.600</b>	-	<b>1.788.750.000</b>	<b>233.660.075.600</b>	<b>233.660.075.600</b>
Các khoản vay của cá nhân	231.871.325.600	231.871.325.600	-	1.788.750.000	233.660.075.600	233.660.075.600
<b>Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới</b>	<b>(17.655.510.600)</b>	<b>(17.655.510.600)</b>			-	-
	<b>214.215.815.000</b>	<b>214.215.815.000</b>	-	<b>1.788.750.000</b>	<b>233.660.075.600</b>	<b>233.660.075.600</b>
<b>Cộng</b>	<b>989.439.599.142</b>	<b>989.439.599.142</b>	<b>686.701.050.488</b>	<b>252.076.080.394</b>	<b>554.814.629.048</b>	<b>554.814.629.048</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

	<b>30/06/2021</b>		<b>Phát sinh trong kỳ</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Nợ gốc</b>	<b>Giá trị có khả năng thanh toán</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Nợ gốc</b>	<b>Giá trị có khả năng thanh toán</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Trong đó, số dư nợ vay bên liên quan</i>						
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	320.000.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>520.000.000.000</b>	<b>520.000.000.000</b>	<b>520.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>7.667.692.056</b>	<b>49.649.327.380</b>	<b>432.898.652.157</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.347.777.312	17.347.777.312
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>7.667.692.056</b>	<b>66.997.104.692</b>	<b>450.246.429.469</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	404.456.068	404.456.068
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.214.344.412)	(1.214.344.412)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	867.388.866	(867.388.866)	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>8.535.080.922</b>	<b>65.319.827.482</b>	<b>449.436.541.125</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**Cổ phần**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	218.616.372.487	245.313.116.978
Doanh thu bán hàng	25.995.020.705	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.317.876.568	1.582.198.937
Doanh thu khác	1.207.440.000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>255.136.709.760</b>	<b>246.895.315.915</b>
Hàng bán trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>255.136.709.760</b>	<b>246.895.315.915</b>

*Trong đó, doanh thu và các khoản giảm trừ phát sinh với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	154.099.757.235	202.971.500.259
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	30.986.528.639	8.055.836.562
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	14.588.465.256	958.168.861
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	13.052.333.339	10.741.731.963
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.207.440.000	14.002.566.793
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	636.363.637	636.363.637
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	8.583.312.540
<b>Cộng</b>	<b>214.570.888.106</b>	<b>245.949.480.615</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây dựng	212.469.405.766	233.441.499.627
Giá vốn hàng đã bán	26.365.508.363	-
Giá vốn của dịch vụ	2.499.781.333	1.154.895.326
Giá vốn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>241.334.695.462</b>	<b>234.596.394.953</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.106.738.472	35.042.059.778
Cổ tức, lợi nhuận được chia	919.269.527	893.395.604
<b>Cộng</b>	<b>28.026.007.999</b>	<b>35.935.455.382</b>

***Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan***

Cổ tức và lợi nhuận được chia		
<i>Công ty NQN</i>	919.269.527	893.395.604
Lãi cho vay và lãi trái phiếu		
<i>Công ty CII</i>	19.555.326.600	22.386.198.314
<i>Công ty NQN</i>	1.346.301.369	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng</i>		
<i>Xa lộ Hà Nội</i>	-	3.037.164.901
<i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ</i>		
<i>Thiêm</i>	-	2.038.356.164
<b>Cộng</b>	<b>21.820.897.496</b>	<b>28.355.114.983</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	30.789.902.401	33.119.657.158
Chi phí tài chính khác	502.772.000	1.253.139.000
<b>Cộng</b>	<b>31.292.674.401</b>	<b>34.372.796.158</b>

***Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan***

Lãi vay phát sinh với CII	7.063.835.615	7.660.054.794
Lãi vay phát sinh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	3.782.191.781	164.383.562
Lãi vay phát sinh với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	144.842.466
Lãi vay phát sinh với Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	238.724.445
<b>Cộng</b>	<b>10.846.027.396</b>	<b>8.208.005.267</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.488.078.783	2.549.700.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.860.707	438.827.022
Chi phí khấu hao	390.685.167	517.115.789
Chi phí dự phòng	3.575.210.332	950.519.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.883.455.100	1.647.723.466
Chi phí bằng tiền khác	137.485.210	110.948.219
<b>Cộng</b>	<b>9.668.775.299</b>	<b>6.214.833.903</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	39.702.767	297.003.623
Các khoản chi phí khác	41.210.000	-
<b>Cộng</b>	<b>80.912.767</b>	<b>297.003.623</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>771.278.012</b>	<b>7.356.474.404</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chi phí không được trừ	1.982.101.237	1.389.585.266
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(919.269.527)	(893.395.604)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.834.109.722</b>	<b>7.852.664.066</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	366.821.944	1.570.532.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-	(11.776.243.542)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>366.821.944</b>	<b>(10.205.710.729)</b>

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
<i>Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư</i>	848.250.000.000	1.363.462.700.000
<i>Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư</i>	72.384.481.269	399.176.409.430
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án</i>	639.500.000.000	859.300.000.000
<i>Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	17.585.518.731	12.273.590.570
<i>Cần trừ vốn hợp tác kinh doanh - nợ gốc</i>	320.749.589.041	853.125.935.296
<i>Cần trừ vốn hợp tác kinh doanh - nợ lãi</i>	2.945.753.424	13.834.119.498
<i>Cần trừ công nợ phải thu về hợp tác đầu tư với bên thứ 3</i>	-	4.237.600.000
<b>Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi</b>		
<i>Thu tiền thi công bốc tầng phủ, thi công công trình và cho thuê thiết bị</i>	1.000.000.000	47.318.618.750
<i>Thu tiền từ lợi nhuận được chia</i>	2.000.000.000	1.181.381.250
<i>Chi phí thi công trong kỳ</i>	12.791.385.944	10.542.769.430
<i>Tạm ứng và thanh toán chi phí thi công</i>	24.920.357.752	42.500.000.000
<i>Nhận hoàn chi phí tạm ứng thi công</i>	10.188.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
<i>Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	33.474.064.766	61.678.930.273
<i>Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư</i>	-	200.000.000.000
<i>Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư</i>	-	200.000.000.000
<i>Thu nợ gốc trái phiếu</i>	-	120.000.000.000
<i>Thu lãi trái phiếu</i>	-	9.643.055.556
<i>Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	-	1.127.442.679
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
<i>Thu tiền/tạm ứng vốn thi công và bán hàng hóa</i>	300.000.000	364.072.103
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án</i>	200.000.000.000	100.000.000.000
<i>Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư</i>	-	60.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG</b>		
<i>Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm, thi công xây lắp công trình DT 741, duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741 và bán hàng hóa</i>	15.727.559.583	2.527.125.695

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND</b>
<b>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
<i>Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60</i>	2.125.324.121	21.063.951.842
<i>Nhận hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 từ các bên liên danh</i>	974.675.879	5.406.891.332
<i>Chuyển trả tiền vay</i>	-	7.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận</b>		
<i>Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ</i>	150.492.750.398	315.778.802.411
<i>Nhận hộ tiền thi công dự án Trung Lương Mỹ Thuận từ các bên liên danh</i>	49.179.317.100	-
<i>Hoàn trả tiền tạm ứng thi công dự án</i>	-	763.897.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy</b>		
<i>Thu tiền bán vật tư và thi công trong kỳ</i>	31.613.432.967	117.354.000.000
<i>Hoàn trả tiền tạm ứng thi công dự án</i>	22.775.961.199	111.305.000.000
<i>Tiền đi vay nhận được trong kỳ</i>	-	9.500.000.000
<i>Chuyển trả lại tiền vay</i>	-	9.500.000.000
<i>Lãi đi vay đã trả trong kỳ</i>	-	144.842.466

**Nguyễn Thị Bích Thảo**  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

**Bùi Xuân Phước**  
Kế toán trưởng



**Phùng Văn Hiền**  
Tổng Giám đốc